

Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam - Thực trạng và giải pháp

GS.TS. Phạm Quang Trung, Ths. Nguyễn Thị Diệu Chi

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: phamquangtrung@neu.edu.vn, ndchi226@gmail.com

Trong vài năm trở lại đây, vấn đề tái cấu trúc hệ thống ngân hàng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu, đặc biệt trước những biến động khó lường của nền kinh tế Việt Nam. Hệ thống ngân hàng Việt Nam đang phải trải qua một thời kỳ kinh doanh khó khăn với nhiều vấn đề như chất lượng tài sản kém, khó khăn về thanh khoản, chất lượng lợi nhuận thấp, yếu kém về quản trị và quản lý rủi ro. Do vậy, tái cấu trúc lại ngành ngân hàng là việc làm vô cùng cấp thiết và phù hợp với xu thế chung. Bài nghiên cứu tập trung nêu lên thực trạng hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam, sự cần thiết phải thực hiện tái cấu trúc hệ thống ngân hàng. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị nhằm thực hiện quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam hướng tới mục tiêu an toàn hệ thống, các ngân hàng hoạt động ổn định, lành mạnh và hiệu quả.

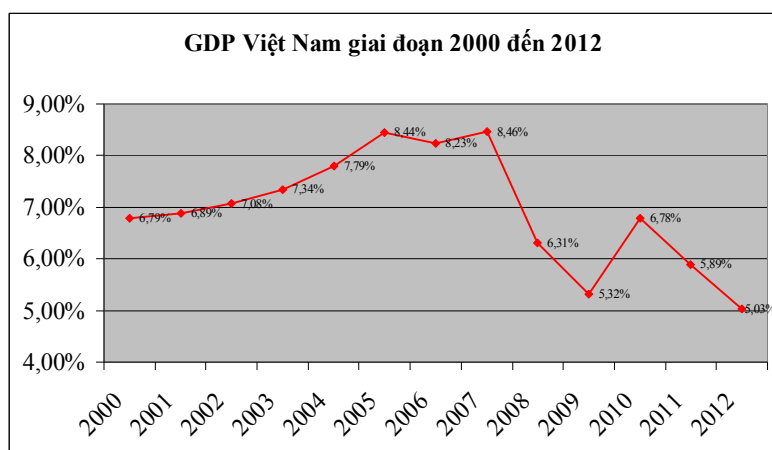
Từ khóa: Hệ thống ngân hàng, tái cấu trúc, nợ xấu

1. Tình hình kinh tế Việt Nam trong giai đoạn đổi mới

Sau 26 năm Việt Nam thực hiện công cuộc Đổi Mới, mở cửa nền kinh tế, cũng như tham gia nhiều vào các tổ chức quốc tế, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế và xã hội. Trong đó, thể hiện qua tốc độ tăng

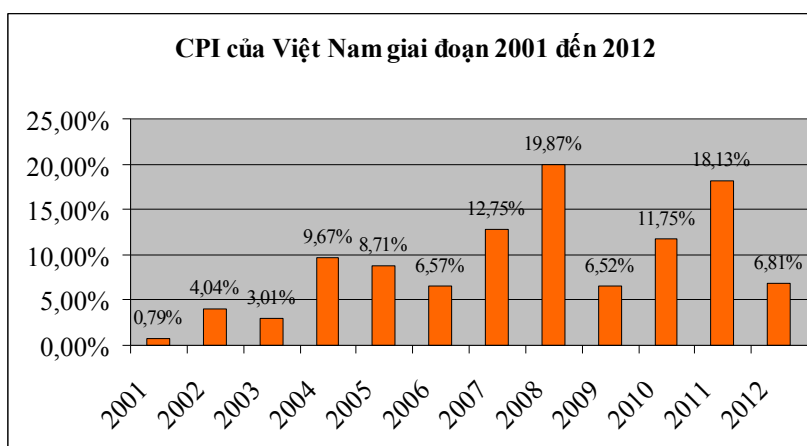
trưởng của GDP luôn được đánh giá ở mức cao khi so sánh với nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đạt được, nền kinh tế Việt Nam vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập cần giải quyết như tốc độ tăng nhanh của chỉ số giá tiêu dùng (CPI), mức độ lạm phát gia tăng, đặc biệt có sự chênh lệch quá lớn khi so với tốc độ của

Biểu đồ 1. Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2000 đến 2012



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Biểu đồ 2. Tốc độ tăng của CPI Việt Nam giai đoạn 2001 đến 2012



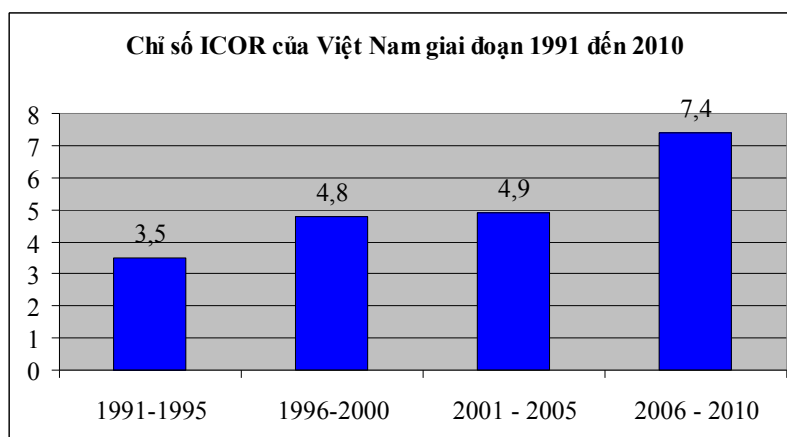
Nguồn: Tổng cục Thống kê

tăng GDP, điều này đã thể hiện những bất ổn cần xem xét của nền kinh tế.

Bên cạnh đó, chỉ số sử dụng vốn của Việt Nam ICOR cũng tăng cao qua các thời kỳ điều này thể hiện sự suy giảm của hiệu quả sử dụng vốn, cũng như năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên trường

định lĩnh vực tài chính ngân hàng hiện là một trong những khâu “yếu” nhất của nền kinh tế, dễ phát sinh khủng hoảng nhất và có thể gây nên những tổn thất lớn nhất cho cả nền kinh tế. Vì vậy, yêu cầu tái cấu trúc lĩnh vực tài chính ngân hàng là một việc làm cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Biểu đồ 3. Chỉ số ICOR của Việt Nam qua các thời kỳ



Nguồn: Báo cáo của IMF Số 12/165 - 2012

quốc tế.

Trước thực trạng nền kinh tế Việt Nam, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 3, khóa XI đã quyết định tái cơ cấu nền kinh tế, trong đó 3 lĩnh vực “nóng và trọng điểm”, có ý nghĩa sống còn đối với nền kinh tế, đó là tái cấu trúc đầu tư với trọng tâm là đầu tư công, cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là tái cấu trúc hệ thống NHTM và các tổ chức tài chính, và thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước. Tại Hội nghị này cũng đã khẳng

2. Thực trạng hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

Trong những năm qua, nhờ chính sách nới lỏng của Chính phủ, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng và quy mô tài sản. Tính tới ngày 31/12/2012, theo Ngân hàng Nhà nước (NHNN) bên cạnh 7 ngân hàng nhà nước có tổng số vốn điều lệ 111.550 tỷ VND, tổng tài sản 2.201.660 tỷ VND, có 37 ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) với tổng vốn điều lệ 177.624 tỷ VND, tổng tài sản 2.159.363 tỷ VND, đưa tổng tài

Bảng 1. Xếp hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam giai đoạn 2003 đến 2012

Năm	Số quốc gia được xếp hạng	Vị trí	So với năm gần nhất
2003	102	60	
2004	104	77	-17
2005	117	74	+3
2006	125	77	-3
2007	131	68	+9
2008	134	70	-2
2009	133	75	-5
2010	139	59	+16
2011	142	65	-6
2012	144	75	-10

Nguồn : Báo cáo diễn đàn kinh tế thế giới Q1/2013

sản của hệ thống ngân hàng Việt nam lên trên 5 triệu tỷ VND. Trong đó, dư nợ vay trên GDP khoảng 120%, đây là mức cao nếu so sánh với các quốc gia trong khu vực như Thái Lan và Hàn Quốc, mức dư nợ/GDP chỉ khoảng 80%.

Thêm vào đó, tốc độ tăng trưởng tín dụng “nóng”, đặc biệt giai đoạn 2006 đến 2010, mức trung bình trên 20%, và đỉnh điểm là năm 2007, tăng 51,39%. Điều đáng chú ý là nhiều ngân hàng địa phương quá nhỏ, quy mô vốn thấp, yếu kém về năng lực quản trị đã nhanh chóng nâng tầm thành các ngân hàng có quy mô quốc gia, do vậy, sớm bộc lộ những yếu kém trong khâu quản lý dòng tiền, cũng như sử dụng hiệu quả nguồn vốn.

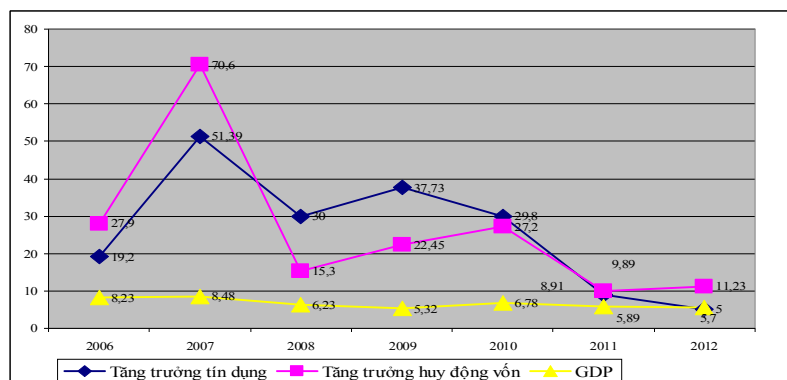
Với tốc độ tăng trưởng tín dụng quá nhanh so với GDP (khoảng 30% năm trong giai đoạn từ 2006 đến 2010), các ngân hàng đã tạo ra một lượng cung tiền khổng lồ. Thêm vào đó, khi quan sát tốc độ tăng

trường tín dụng giai đoạn 2006 đến 2010 có thể nhận thấy nhiều bất cập trong mối tương quan giữa tốc độ tăng trưởng tín dụng, tốc độ huy động và tăng trưởng GDP. Kết quả của chính sách nới lỏng tín dụng đã khiến các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận nguồn vốn, dẫn tới đầu tư tràn lan, kém hiệu quả và gây nên những khó khăn cần giải quyết của toàn ngành ngân hàng giai đoạn hiện nay.

3. Áp lực tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

3.1. Sự tăng trưởng nhanh về số lượng các ngân hàng không đi kèm với chất lượng

Chỉ trong vòng vài năm, số lượng các ngân hàng tại Việt Nam đã tăng lên nhanh chóng. Tính tới tháng 12/2012, Việt Nam có 5 NHTM Nhà Nước, 37 NHTMCP, 01 ngân hàng phát triển, 1 ngân hàng chính sách xã hội, 50 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 04 ngân hàng liên doanh, 05 ngân hàng 100%

Biểu đồ 4. Tình hình tăng trưởng vốn huy động, tăng trưởng tín dụng và GDP của Việt Nam giai đoạn 2006 - 2012

Nguồn: Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VCBS

vốn đầu tư nước ngoài và nhiều công ty tài chính, cho thuê tài chính, quỹ tín dụng. Đây là con số quá lớn so với quy mô thị trường Việt Nam. Có thể thấy, đây là một quá trình phát triển quá nhanh của toàn hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam (NHTM) từ năm 1990 trở lại đây. Hoạt động của NHTM từ “huy động và cho vay” trước kia, nay đã phát triển tới gần 300 sản phẩm dịch vụ với giá trị đạt khoảng 125 tỷ USD (gấp 1,25 GDP) và phạm vi hoạt động không chỉ trong nước mà còn vươn ra toàn thế giới.

Vấn đề đáng quan tâm là sự tăng nhanh về số lượng của các ngân hàng và tổ chức tín dụng lại không đi kèm với chất lượng. Nhiều NHTM địa phương quá yếu, tài chính và tín dụng siêu nhỏ, công tác quản trị lỏng lẻo, do vậy bộc lộ nhiều bất cập và chứa đựng nhiều rủi ro tài chính. Bất cập hơn, trong đó nhiều ngân hàng được thành lập bởi các tập đoàn kinh tế hay một nhóm lợi ích, mà nòng cốt là một số cá nhân tư bản với mục đích là cung cấp vốn cho nội bộ tập đoàn. Vì vậy, chất lượng các khoản cho vay, cũng như hạn mức cho vay đôi khi

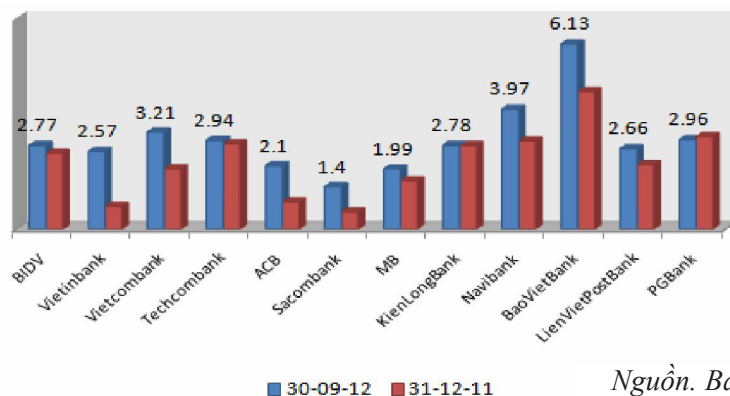
không được thẩm định kỹ. Điều này đang gây những hệ lụy, khó khăn cho toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam và yêu cầu cấp thiết thực hiện tái cấu trúc.

3.2. Tình trạng nợ xấu đáng báo động

Theo NHNN, đến Q3/2012, tổng dư nợ toàn hệ thống khoảng 202.000 tỷ đồng (tương đương 10 tỷ USD), tỷ lệ nợ xấu ở mức 8,82% (tiêu chuẩn kế toán Việt Nam). Tuy nhiên, theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, tỷ lệ này đang ở mức 14-15% (tiêu chuẩn quốc tế - IAS). Vì vậy, có thể thấy tình trạng nợ xấu của Việt Nam đang rất cao so với tổng vốn điều lệ của các NHTM trên thị trường (vốn điều lệ khoảng 220.000 tỷ đồng).

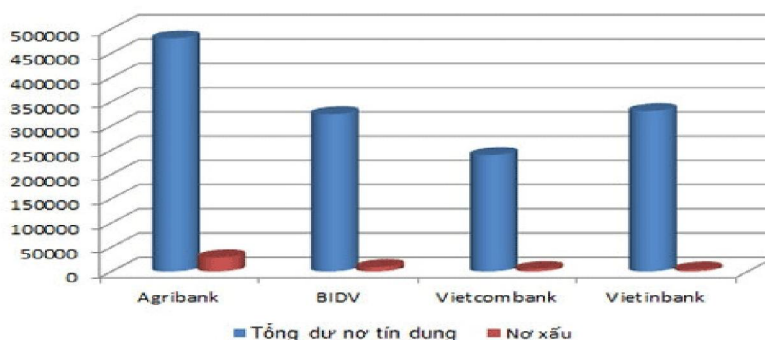
Ngoài ra, một thực tế cho thấy các NHTM Nhà nước hiện có liên hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp Nhà nước khi thực hiện cho vay đến 80% tổng số dư nợ. Theo số liệu từ NHNN, tính đến 30/12/2012, tổng nợ xấu của 4 NHTMNN gồm Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank lên tới 46.600 tỷ đồng, trên mức tổng tài sản 2,108 triệu tỷ đồng.

Biểu đồ 5. Tỷ lệ nợ xấu của một số ngân hàng thương mại Việt Nam 2011 & 2012



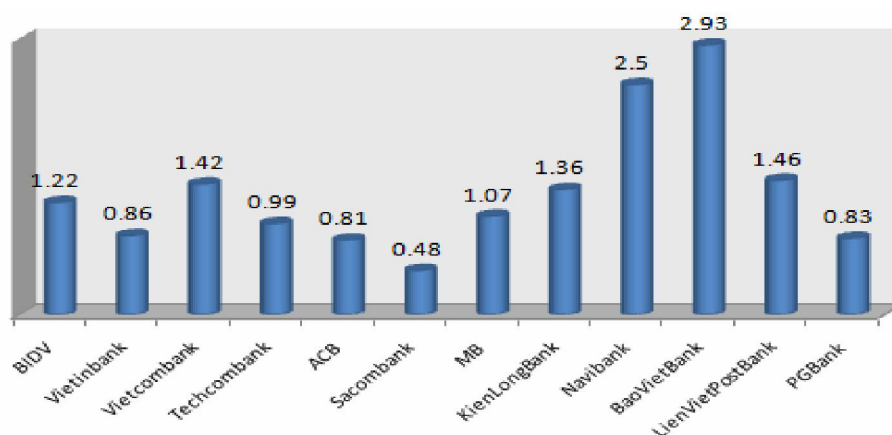
Nguồn: Báo cáo tài chính của các ngân hàng

Biểu đồ 6. Tình hình nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng của 4 Ngân hàng thương mại Nhà nước năm 2012



Nguồn: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Biểu đồ 7. Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn của một số ngân hàng tại thời điểm 30/09/2012



Nguồn: Báo cáo tài chính của các ngân hàng

Nếu theo báo cáo tài chính của các NHTM, tỷ lệ nợ xấu đến hết Q3/2012, đa phần đều tăng so với năm 2011. Trong đó, nợ xấu đặc biệt tăng mạnh tại một số ngân hàng như Vietcombank từ 2% lên 3,21%, ACB từ 0,9% lên 2,1%, Sacombank từ 0,57% lên 1,4%, BaoVietBank từ 4,56% lên 6,13%, NaviBank từ 2,92% lên 3,97%. Một số ngân hàng vẫn giữ được tốc độ nợ xấu tăng không quá mạnh, như Techcombank từ 2,82% lên 2,94%, KienLongBank từ 2,77% lên 2,78%. Riêng ngân hàng PGBank giảm được nợ xấu từ 3,06% năm 2011 xuống còn 2,96% Q3/2012.

Điều đáng quan tâm trong bức tranh nợ xấu của các NHTM Việt Nam thời gian qua là nhóm nợ có khả năng mất vốn (nợ nhóm 5) mà ngân hàng phải trích dự phòng rủi ro 100%. Theo báo cáo tài chính, hiện nay tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn trên dư nợ cho vay khách hàng của BaoVietBank đang ở mức cao nhất với 2,93%, tiếp đến là của LienVietPostBank với 1,46%, Vietcombank là 1,42%, BIDV là 1,22%, MB là 1,07%, KienLongBank là 1,36%. Nợ có khả năng mất vốn của các ngân hàng khác trong khi đó cũng xấp xỉ mức 1% như Vietinbank là 0,86%, Techcombank 0,99%, ACB là 0,81% và PGBank 0,83%...

Khi xem xét giá trị cụ thể, BIDV là ngân hàng có nợ nhóm 5 cao nhất, lên tới 3.984,4 tỷ đồng tại thời điểm 30/09/2012, Vietcombank là 3.200 tỷ, Vietinbank là 2.578 tỷ đồng, ACB là 829,1 tỷ đồng, MB là 629,4 tỷ, Techcombank là 610,8 tỷ... So với năm 2011, nợ có khả năng mất vốn tăng mạnh như LienVietPostBank, tình trạng nợ có khả năng mất vốn tăng đến 53, từ 4,48 tỷ lên 243,8 tỷ,

BaoVietBank tăng hơn 6 lần từ 23,5 tỷ lên 170 tỷ, Techcombank là 1,7 lần, ACB gần 1,8 lần, Sacombank hơn 1,5 lần, Vietinbank 1,82 lần, Vietcombank tăng 41%, MB tăng 33,5%, Navibank tăng 79%, và ngoại trừ KienLongBank giảm gần 4%.

Từ bức tranh tổng thể thực trạng nợ xấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam thời gian qua, cho dù tỷ lệ nợ xấu của Việt Nam được đánh giá trên tiêu chí nào thì có thể nhận thấy tình trạng nợ xấu của các ngân hàng thương mại Việt Nam đang ở mức báo động, và cần một công cuộc tái cơ cấu toàn diện.

3.3. Tình thanh khoản của hệ thống ngân hàng còn nhiều bất bình

Gần đây, tình trạng thiếu hụt, thậm chí căng thẳng thanh khoản tại một số ngân hàng trở nên khá nghiêm trọng. Điều này xuất phát từ nguyên nhân cơ bản là sự mất cân đối giữa cho vay và huy động. Tỷ lệ cho vay trên huy động của Việt Nam khoảng 104,2%, trong khi đa phần các nước có tỷ lệ này dưới 100%, và mức được đánh giá là an toàn hệ thống là 80%. Và tỷ lệ này sẽ còn cao hơn nhiều nếu tính cả các khoản tín dụng như trái phiếu, ủy thác đầu tư, đặt cọc mua trái phiếu doanh nghiệp... Theo Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, hiện tỷ lệ cho vay trên huy động của các TCTD Việt Nam luôn ở mức trên 90%, đặc biệt tỷ lệ này đối với ngoại tệ luôn thường trên 100%, thậm chí lên tới 130%. Trên thị trường quốc tế, tỷ lệ sử dụng vốn chỉ khoảng 60 đến 70%, còn 30 đến 40% còn lại được sử dụng để đầu tư vào các công cụ có tính thanh khoản cao, trong khi các ngân hàng Việt Nam hoàn toàn tập

trung vào hoạt động tín dụng. Do vậy, trong dài hạn, nếu các NHTM không có các biện pháp hữu hiệu để tăng cường huy động hoặc giảm bớt tổng tài sản để phục hồi thanh khoản hoặc có nguồn tiền hỗ trợ ổn định từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thì thanh khoản của bản thân NHTM nói riêng, và toàn hệ thống sẽ không thể bền vững.

Ngoài ra, rủi ro thanh khoản của hệ thống ngân hàng còn xuất phát do sự mất cân đối giữa kỳ hạn huy động và sử dụng vốn. Đa phần nguồn vốn huy động của các NHTM là ngắn hạn nhưng nhu cầu cho vay vào nền kinh tế thường là trung và dài hạn. Theo thống kê của NHNN, Việt Nam hiện có khoảng 50 tổ chức tín dụng thường xuyên có tỷ lệ sử dụng vốn cao hơn huy động. Và điều này đang ảnh hưởng đáng kể đến tính ổn định của hoạt động của các ngân hàng nói riêng và toàn hệ thống ngân hàng nói chung.

3.4. Sự bất cân đối cơ cấu thị phần giữa các ngân hàng và tiềm ẩn rủi ro đạo đức

Một vấn đề khác cũng gây nên tính dễ tổn thương của hệ thống ngân hàng Việt Nam là sự bất cân đối về thị phần như cơ cấu sở hữu vốn chi phối, rủi ro đạo đức, và thiếu vắng cơ chế khuyến khích thực thi các biện pháp quản trị đúng đắn.

Mặc dù số lượng ngân hàng trên thị trường khá lớn, tuy nhiên một số NHTM Nhà nước lại nắm giữ mức thị phần chi phối trên thị trường tài chính. Thêm vào đó, sự bất cân đối đó được thể hiện trong cơ cấu sở hữu của một số NHTM, nơi một hoặc một vài cá nhân cổ đông nắm giữ đa số cổ phần của ngân hàng. Chính sự tập trung quá mức này đã dẫn đến tình trạng thiếu hụt, thậm chí sai lệch thông tin giữa các cổ đông nhỏ và cổ đông có vốn chi phối. Cho dù minh bạch thông tin là bắt buộc thì những thông tin cung cấp cũng không đảm bảo chính xác hoàn toàn do công tác kiểm soát và quản trị yếu kém.

Thêm vào đó, vấn đề đạo đức kinh doanh cũng cần bàn tới trong thực trạng ngân hàng hiện nay. Nhiều dự án cho vay do có sự can thiệp, bảo lãnh và chỉ đạo trực tiếp từ phía Chính phủ nên các ngân hàng cho vay mà đã bỏ qua tính toán tới tính khả thi của dự án, và đôi khi dựa dẫm hoàn toàn vào sự đảm bảo từ phía Chính phủ nên không quan tâm tới công tác dự phòng rủi ro. Hơn thế nữa, trong nhiều trường hợp, việc cơ quan chức năng đứng ra tuyên bố công

khai sẽ hỗ trợ các ngân hàng yếu kém mà không tính tới thực chất hoạt động của ngân hàng, cũng khiến các nhà quản trị ngân hàng ở Việt Nam càng thêm mạo hiểm đầu tư vào những lĩnh vực đầy rủi ro trên thị trường.

3.5. Hội nhập và tính hai mặt của chính sách điều hành kinh tế vĩ mô

Hội nhập kinh tế quốc tế cũng là một lý do làm tăng mức độ tổn thương của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Gia nhập WTO, cùng với các cam kết mở cửa thị trường, Việt Nam thực hiện cho phép thành lập các ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Bên cạnh những lợi ích thiết thực như chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản trị, và nguồn nhân lực chất lượng cao, mặt khác nó lại gây những áp lực không nhỏ tới các NHTM nội địa, đa phần quy mô vốn thấp, năng lực quản trị yếu kém và hoạt động thiếu chuyên nghiệp. Sự tham gia vào thị trường tài chính của các ngân hàng quốc tế đã tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường tài chính Việt Nam khi các tổ chức này dần chinh phục các doanh nghiệp lớn bởi tính chuyên nghiệp trong cung cấp các dịch vụ. Điều này đẩy các ngân hàng nội địa hướng tới các khách hàng tầm trung, hay các doanh nghiệp vừa và nhỏ, và tất yếu đối tượng khách hàng này chứa đựng mức độ rủi ro cao hơn, đồng nghĩa với tiềm ẩn của các khoản nợ xấu sẽ tăng lên.

Thêm vào đó, nhiều năm qua, với chính sách kích thích tăng trưởng kinh tế, nới lỏng chính sách tiền tệ và tài khóa, hoạt động tín dụng tại các NHTM có điều kiện tăng nhanh. Điều này vô hình chung tạo áp lực lạm phát, cũng như gây nên tình trạng đầu cơ, đặc biệt là các lĩnh vực chứa nhiều rủi ro như chứng khoán và bất động sản. Sang giai đoạn 2011, 2012, lạm phát có dấu hiệu tăng cao thì gánh nặng kiềm chế nó lại bị dồn lên chính sách tiền tệ. Cùng với nó là chính sách lãi suất được nâng lên, và hoạt động tín dụng lại bị thắt chặt đối với chứng khoán và bất động sản. Một vòng luẩn quẩn, lãi suất cao, thắt chặt tín dụng và những khó khăn chung của nền kinh tế, khiến giá chứng khoán và bất động sản sụt giảm mạnh và ảnh hưởng tới giá trị các khoản thế chấp. Điều này dẫn tới nhiều nhà đầu cơ mất khả năng thanh toán, tất yếu làm tăng tỷ lệ nợ xấu tại các NHTM và gây nên sự sụt giảm mạnh kết quả hoạt động kinh doanh của khối NHTM.

Có thể thấy rằng thực trạng ngân hàng Việt Nam đang đến mức báo động và cần một công cuộc tái cấu trúc toàn diện trên toàn hệ thống. Vấn đề quan trọng, cốt lõi là cần nhận rõ những điểm còn chưa được đề có phương án khắc phục, sửa đổi. Với thực trạng nêu trên, hệ thống ngân hàng Việt Nam có một số vấn đề cần giải quyết như tình trạng nợ xấu đáng báo động, vấn đề quản trị hệ thống và quản trị ngân hàng yếu kém, công tác phòng ngừa rủi ro còn bị bỏ ngỏ, và thiếu vắng các chính sách quyết liệt buộc các ngân hàng thực thi nghiêm túc quá trình đánh giá và thẩm định công tác cho vay.

4. Một số đề xuất tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

Tái cấu trúc có thể coi là một quy luật khách quan và tất yếu. Bởi, nhìn lại chặng đường hơn 20 năm qua của hệ thống NHTM Việt Nam thì cứ 5 đến 7 năm lại xuất hiện một chu kỳ mới và theo đó là một lần tái cơ cấu. Do vậy, việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng là việc làm thường xuyên và phù hợp với từng giai đoạn phát triển nhất định. Và lần thực hiện tái cơ cấu này là tất yếu với sự ra đời của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, cùng với các diễn biến bất lợi của nền kinh tế và trong nội tại hệ thống NHTM Việt Nam. Bài viết khuyến nghị, đề xuất một số vấn đề liên quan tới tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam hướng tới sự phát triển bền vững của toàn hệ thống ngân hàng trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

*** Đề xuất 1. Giải quyết triệt để vấn đề nợ xấu tại các ngân hàng**

Nợ xấu là vấn đề đáng báo động trong các NHTM Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, khi tiến hành xử lý vấn đề này cần đảm bảo nguyên tắc an toàn hệ thống. Mặc dù, nợ xấu là vấn đề của riêng các NHTM, nhưng trên thực tế, với tỷ lệ đáng báo động như hiện nay thì việc để các NHTM độc lập thực hiện là thiếu khả thi, vì vậy, cần có sự vào cuộc của NHNN và các cơ quan chức năng.

Đối với các Ngân hàng Thương mại

Kể từ năm 2008, khủng hoảng tài chính toàn cầu đã tác động nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là ngành tài chính ngân hàng. Theo đó, tình trạng nợ xấu trong hệ thống NHTM Việt Nam tăng lên nhanh chóng trước những khó khăn tiếp diễn của năm 2011, 2012 khi nhiều doanh nghiệp kinh doanh thua

lỗ và mất khả năng thanh toán. Điều này khiến cho tình trạng nợ xấu tại các NHTM ngày càng gia tăng.

Ngoài những rủi ro từ phía khách hàng, nguyên nhân gây nên tình trạng nợ xấu của các ngân hàng Việt Nam hiện nay còn xuất phát từ bản thân nội tại các ngân hàng khi năng lực quản trị yếu kém, quá trình thẩm định dự án đôi khi không theo đúng các tiêu chuẩn và thiếu sự chọn lọc các dự án khả thi.

Đối với các ngân hàng thương mại cần phải thực hiện công việc sau:

Thứ nhất, các NHTM cần thành lập ngay một tổ công tác chuyên trách để thực hiện việc xử lý và giải quyết các khoản nợ xấu.

Thứ hai, các phòng, ban tín dụng, thẩm định, bảo lãnh vay vốn cần phối hợp với tổ xử lý nợ xấu để thực hiện rà soát các khoản nợ, đánh giá lại các khoản vay, thực hiện thu hồi hoặc thanh lý các tài sản đối với các khoản vay không có khả năng thu hồi.

Thứ ba, thực hiện chuẩn hóa quy trình, nghiệp vụ và áp dụng đúng các quy trình trong quá trình thực hiện thẩm định dự án vay vốn.

Đối với Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan chức năng

Thứ nhất, NHNN rất cần đưa ra chính sách yêu cầu các NHTM chú trọng công tác đánh giá chất lượng tài sản, kiểm soát chặt chẽ khâu thẩm định và cấp tín dụng cho các dự án, đặc biệt là các dự án đầu tư vào các lĩnh vực nhiều rủi ro.

Thứ hai, NHNN cần quán triệt thực hiện đề án tái cơ cấu hệ thống ngân hàng. Trong đó, tập trung xử lý tình trạng nợ xấu cao tại các NHTM nhà nước hướng tới đạt tỷ lệ nợ xấu của các NHTM ở mức dưới 3% theo tiêu chuẩn phân loại nợ và chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

Thứ ba, NHNN cần chỉ đạo quyết tâm thực hiện giảm mặt bằng lãi suất. Cũng là một trong những nguyên nhân gây nên tình trạng nợ xấu tăng cao hiện nay. Trong ngắn hạn, NHNN vẫn nên duy trì biện pháp trần lãi suất, tuy nhiên, về trung và dài hạn, nên dỡ bỏ việc quản lý hành chính đối với lãi suất, và để thị trường tự quyết định.

*** Đề xuất 2. Đảm bảo tính thanh khoản của NHTM trên cơ sở đẩy mạnh công tác huy động và sử dụng vốn hiệu quả**

Thứ nhất, tăng cường huy động nguồn vốn nhân rồi trong dân. Vốn nhân rồi trong dân hiện là rất lớn, nhưng tỷ lệ thanh toán qua hệ thống ngân hàng còn quá thấp, do đó, NHTM có thể tăng cường huy động nguồn vốn tiềm năng này.

Thứ hai, nghiên cứu sản phẩm huy động với lãi suất linh hoạt. Trước bối cảnh có diễn biến phức tạp khi lạm phát tăng cao, thì các sản phẩm huy động vốn với lãi suất cố định trở nên không còn phù hợp. Do vậy, các NHTM có thể nghiên cứu các sản phẩm huy động với lãi suất linh hoạt và được điều chỉnh trên cơ sở tỷ lệ biến động nhất định so với lạm phát, và mức lãi suất vẫn phải trong mức trần và sàn quy định của NHNN.

Thứ ba, sử dụng các công cụ tài chính như cổ phiếu, trái phiếu. NHTM có thể thực hiện huy động nguồn vốn trung vào dài hạn từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, đặc biệt là các trái phiếu có khả năng chuyển đổi. Đây là hình thức huy động vốn được sử dụng phổ biến trên thế giới và được nhiều tổ chức tài chính tín dụng sử dụng.

*** Đề xuất 3. Khuyến khích hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) để hình thành các tổ chức tài chính ngân hàng lớn hơn**

M&A là một công cụ tài chính hữu ích, đặc biệt đối với ngân hàng. Nó giúp góp phần hình thành nên các tập đoàn tài chính ngân hàng lớn hơn từ việc sáp nhập, hợp nhất các tổ chức tín dụng. Thông qua hoạt động này, các tổ chức tài chính ngân hàng có thể tăng quy mô vốn, mở rộng thị phần, tăng năng lực cạnh tranh và tối đa hóa lợi nhuận.

Hiện, hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam có liên quan đến M&A đã tương đối đồng bộ, hoàn chỉnh. Trên cơ sở đó, ngày 11-2-2011, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 04/2010/TT-NHNN quy định việc sáp nhập, hợp nhất và mua lại TCTD nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động này phát triển. Tuy nhiên, một thực tế cho thấy đa phần các hoạt động của ngân hàng Việt Nam vẫn chưa đáp ứng các tiêu chuẩn và chuẩn mực quốc tế, vì vậy, các ngân hàng dù có thực hiện sáp nhập hay không cũng cần xem xét và điều chỉnh lại hoạt động để phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ nhất, khuyến khích việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại ngân hàng theo nguyên tắc tự nguyện, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và các quyền,

nghĩa vụ kinh tế của các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, NHNN và các cơ quan bộ ngành chức năng cần có chính sách hỗ trợ các ngân hàng chủ động thực hiện các thương vụ M&A. Trong trường hợp các ngân hàng không chủ động thực hiện, NHNN có thể chỉ định các ngân hàng trên cơ sở đánh giá hoạt động của ngân hàng theo các tiêu chí cụ thể như quy mô vốn, mức độ thanh khoản, tình trạng nợ xấu hiện tại... để tiến hành sáp nhập, hay hợp nhất.

Thứ ba, thực hiện sáp nhập, hợp nhất hay mua lại cần bảo đảm trên cơ sở an toàn, ổn định của hệ thống. Một số TCTD có mức độ rủi ro, nguy cơ mất an toàn cao sẽ được áp dụng các biện pháp xử lý đặc biệt theo quy định của pháp luật.

*** Đề xuất 4. Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong các NHTM theo chuẩn quốc tế**

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, đặc biệt là sự biến động bất thường của thị trường tài chính, một trong các vấn đề đặt ra đối với các ngân hàng là công tác quản trị rủi ro.

Thứ nhất, các NHTM cần lên phương án học hỏi, áp dụng các mô hình quản trị rủi ro mà nhiều ngân hàng trên thế giới áp dụng. Việc đổi mới, áp dụng các mô hình quản trị rủi ro phù hợp với chuẩn quốc tế sẽ góp phần tăng hiệu quả công tác quản trị hệ thống, nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ, từ đó, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng và khả năng thanh khoản của ngân hàng.

Thứ hai, NHTM cần chủ động nâng cao năng lực quản trị và năng lực giám sát. Việc ngân hàng có một cơ cấu quản trị doanh nghiệp vững mạnh là rất quan trọng. Ngân hàng cần chủ động nâng cao chất lượng kiểm soát nội bộ để kịp thời phát hiện những rủi ro tiềm ẩn và có biện pháp ngăn chặn kịp thời. Bên cạnh đó, chú trọng công tác khuyến khích, khen thưởng hữu hiệu trên cơ sở xây dựng mối quan hệ giữa người lao động với người sử dụng lao động, để từ đó khuyến khích người lao động năng động, sáng tạo, làm việc với năng suất và chất lượng cao.

*** Đề xuất 5. Củng cố lòng tin vào hệ thống ngân hàng**

Với những bất ổn kinh tế, cùng với những bất cập của hệ thống ngân hàng trong thời gian qua, niềm

tin giữa ngân hàng và khách hàng đã có phần giảm sút. Vì thế, điều quan trọng nhất để hệ thống ngân hàng vượt qua giai đoạn khó khăn này là cần phục hồi lại lòng tin vào hệ thống.

Thứ nhất, hệ thống ngân hàng cần đảm bảo thực hiện minh bạch hóa thông tin, đảm bảo các thông tin đưa ra công chúng minh bạch và chính xác.

Thứ hai, NHNN, các cơ quan chức năng, và NHTM cần quán triệt thực hiện kế hoạch tái cấu trúc của Nghị Quyết Ban Chấp hành Trung Ương Đảng Khóa XI.

Thứ ba, củng cố lòng tin có thể thực hiện thông qua nghiệp vụ bảo lãnh tiền gửi, thiết lập lại cơ cấu thể chế trên cơ sở các chuẩn mực kiểm toán và kế toán quốc tế, thắt chặt công tác giám sát và thanh tra của Chính phủ đối với hoạt động ngân hàng.

5. Kết luận

Mục tiêu lớn nhất của tái cấu trúc đó là hình thành nên một hệ thống ngân hàng đa dạng về loại hình, quan hệ sở hữu và quy mô, trong đó có các

ngân hàng đủ mạnh để có thể cạnh tranh trong khu vực và quốc tế. Vì vậy, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng đòi hỏi phải được đánh giá khoa học, chính xác theo các tiêu chuẩn quốc tế. Nếu không xác định được chính xác vấn đề cần giải quyết, không đưa ra một chính sách cụ thể về sở hữu ngân hàng, quản trị ngân hàng thì việc tái cấu trúc ngân hàng sẽ không đạt được các mục tiêu cần thiết.

Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng đã, đang và sẽ luôn là vấn đề cấp thiết không chỉ đối với riêng ngành ngân hàng mà đối với toàn bộ nền kinh tế. Vì vậy, không chỉ Ngân hàng Nhà nước mà các cơ quan chức năng, các bộ ngành cần chung tay thực hiện. Tuy nhiên, là một vấn đề lớn nên không thể nóng vội trong quyết định và hành động, chúng ta tính toán kỹ lưỡng từng bước hành động để tránh những sai lầm không mong muốn, từ đó hướng tới xây dựng nên một hệ thống ngân hàng phát triển lành mạnh, làm nền tảng cho việc tái cấu trúc toàn bộ nền kinh tế trong tương lai. □

Tài liệu tham khảo:

1. Harry Hoan Tran, Thuan Nguyen FCCA “*Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam theo hướng nào*”, Công ty Stox Plus, Việt Nam, 2011.
2. Nguyễn Thị Mùi (2012) “*Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng nên đặt trọng tâm vào sự phát triển bền vững*”, Trường Đào tạo & PTNNL VietinBank.
3. Tô Ngọc Hưng (2012) “*Thực trạng và giải pháp để phát triển bền vững hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học đào tạo Ngân hàng, tháng 11/2012.
4. Đặng Thị Ngọc Lan (2012) “*Giải pháp trọng tâm tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại*”, Tạp chí Tài chính số 12/2012.
5. Thủ tướng Chính phủ, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam “*Đề án tái cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 – 2015*” ban hành kèm theo quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01/03/2014 – điều 4, mục II, phần B.
6. Viên Thế Giang (2009) “*Hợp nhất, sáp nhập, mua lại tổ chức tín dụng – giải pháp ứng phó với khủng hoảng tài chính và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam*”, kỷ yếu hội thảo quốc tế - tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới và giải pháp cho ngành tài chính ngân hàng Việt Nam 2009.